

Số: 73/BC-BCĐ

Phong Thổ, ngày 27 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Chính trị tại Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Phong Thổ lần thứ IV, năm 2024

Chủ đề Đại hội

"CÁC DÂN TỘC HUYỆN PHONG THỔ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO, PHÁT HUY LỢI THẾ TIỀM NĂNG, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG"

Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Phong Thổ lần thứ IV được tổ chức trong không khí Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc huyện Phong Thổ đang nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025. Thi đua lập nhiều thành tích chào mừng các sự kiện lịch sử của đất nước, của tỉnh, của huyện như: Kỷ niệm 134 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh; 115 năm ngày thành lập tỉnh Lai Châu (28/6/1909-28/6/2024); 75 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh (10/10/1949-10/10/2024); Kỷ niệm 70 năm ngày giải phóng huyện (29/10/1954 - 29/10/2024); 74 năm ngày thành lập Đảng bộ huyện (01/10/1950-01/10/2024). Đại hội có nhiệm vụ đánh giá kết quả 5 năm thực hiện phát triển Kinh tế - Xã hội, đảm bảo Quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tổng kết công tác dân tộc. Bên cạnh đó khẳng định đường lối nhất quán của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đưa Phong Thổ thoát nghèo vào năm 2025.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH DÂN TỘC VÙNG

ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN PHONG THỔ

1. Đặc điểm tình hình

Phong Thổ là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lai Châu, diện tích tự nhiên là 1.029,31km². Toàn huyện có 17 xã, thị trấn, với 170 thôn, bản, tổ dân phố; có 4 xã, thị trấn thuộc khu vực I; 01 xã khu vực II và 12 xã thuộc khu vực III. Đến năm 2024, tổng dân số toàn huyện là 85.327 người với 10 dân tộc cùng sinh sống, trong đó 93% là người dân tộc thiểu số; tỷ lệ hộ nghèo chiếm 37,93%; huyện có địa hình nhiều đồi núi cao, có ưu thế về phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ và vừa; có đường biên giới dài 97,229km với Trung Quốc, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế-xã hội đặc biệt là lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và du lịch xuyên biên giới.

Trong những năm qua huyện luôn nhận được sự quan tâm đầu tư của Đảng, Nhà nước về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội với nhiều Chương trình, dự án đã thúc đẩy kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số của huyện có bước tăng trưởng khá, các mặt văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện; tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, giữ vững.

2. Thuận lợi

Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp, nhân dân các dân tộc trong huyện luôn đoàn kết, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực cùng nhau xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh; hệ thống hạ tầng - kinh tế được đầu tư, nâng cấp, xây dựng mới, có nhiều chính sách, chương trình đề án, dự án cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng bào các dân tộc trong huyện cần cù, chịu khó, tích cực học tập, lao động, sản xuất, có ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Khó khăn

Là huyện vùng cao biên giới, thời tiết, khí hậu biến đổi bất thường gây khó khăn cho đời sống và sản xuất của Nhân dân; lạm phát, giá cả hàng hóa có nhiều biến động những năm đầu nhiệm kỳ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế đến tốc độ tăng trưởng kinh tế; tình hình dịch bệnh Covid 19 phức tạp, kéo dài. Địa hình núi cao, chia cắt, đường biên giới dài, dân cư phân tán, kết cấu hạ tầng còn nhiều khó khăn. Quy mô nền kinh tế nhỏ, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao. Trình độ dân trí chưa đồng đều, trình độ đội ngũ cán bộ, nhất là cơ sở còn hạn chế. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu "Diễn biến hòa bình", lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ đoàn kết các dân tộc, ảnh hưởng an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phần thứ hai

TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2019-2024

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, cấp ủy Đảng đã có nhiều chủ trương, Chương trình, Nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân tộc, thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách cho nhân dân và đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền, đã triển khai các văn bản hướng dẫn của Tỉnh, Trung ương, của cấp ủy về các Chương trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng, các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các chính sách, an sinh xã hội, chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo chung của huyện. Phát huy tinh thần, trách nhiệm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, cụ thể hóa nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện bằng các nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu hàng năm với những giải pháp, biện pháp cụ thể, phù hợp với tình

hình hình, đặc thù của từng địa phương, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành mọi hoạt động, trong đó công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc như Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội, nông thôn mới, giảm nghèo bền vững đã đạt những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao đời sống, vật chất và tinh thần cho nhân dân nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

Thực hiện đúng nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, đảm bảo cho các hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, giám sát của HĐND huyện. Các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Đảng bộ huyện được triển khai bằng các chương trình, kế hoạch, giải pháp chỉ đạo, điều hành cụ thể¹, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp, các ngành triển khai thực hiện.

Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể tiếp tục được tăng cường, giải quyết kịp thời và hiệu quả các công việc trong thực hiện công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn huyện.

Công tác tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước tới toàn thể đồng bào, cán bộ công chức, viên chức trong toàn huyện luôn được đổi mới về phương pháp, phong phú về hình thức nên hiệu quả tuyên truyền được nâng lên, góp phần giúp đồng bào, cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc và ngày càng có trách nhiệm cao hơn trong thực thi công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC, PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG, XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách, dự án đối với vùng đồng bào dân tộc và miền núi (2019-2024)

1.1. Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với kinh tế cửa khẩu

Ban chấp hành đảng bộ đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 08/01/2021 về phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với kinh tế cửa khẩu. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương từ huyện đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với kinh tế cửa khẩu. Từ đó nâng cao nhận thức,

¹ Kế hoạch số: 56/KH-UBND ngày 12/1/2021 của UBND huyện Phong Thổ về Triển khai, thực hiện công tác dân tộc và chính sách Dân tộc năm 2021; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 21/01/2022 của UBND huyện Phong Thổ về Triển khai, thực hiện công tác dân tộc và các chính sách dân tộc năm 2022; Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 25/04/2022 của UBND huyện Phong Thổ về Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, giai đoạn I từ năm 2022-2025; kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND huyện về Thực hiện Đề án "Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Phong Thổ giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 08/07/2022 của UBND huyện về Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn; kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Phong Thổ Tiếp tục thực hiện Đề án "Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 -2020, định hướng đến 2025" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn huyện Phong Thổ Giai đoạn 2022 -2025; kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Phong Thổ về Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn huyện Phong Thổ năm 2023; kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 29/01/2024 của UBND huyện Phong Thổ Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân tộc năm 2024.....

vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tạo sự đồng thuận, tự giác, tự nguyện của Nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là nông dân trong quá trình triển khai thực hiện phát triển nông nghiệp hàng hóa. Sau 3 năm triển khai thực hiện Đề án đã đạt được một số kết quả về mục tiêu, cụ thể như sau: Phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực có lợi thế cạnh tranh, tham gia thị trường trong nước và xuất khẩu như ². Đồng thời phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa đặc sản: Lúa hàng hóa (tẻ râu, nếp tan) 177 ha; Tập trung phát triển chăn nuôi đại gia súc 11.919 con và phát triển chăn nuôi lợn theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh với quy mô 33.900 con. Ngoài ra phát triển công nghiệp chế biến: Thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng 03 cơ sở chế biến; tiếp tục xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm như ³ để hình thành các sản phẩm OCOP trên địa bàn.

1.2. Thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2019-2024 (NQ33, NQ11)

Các nội dung hỗ trợ cơ bản đạt hiệu quả và đạt được mục tiêu chung theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND, ngày 28/7/2016 Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2017-2021 và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung (Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND, 40/2019/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu; đồng thời đã đáp ứng được mong muốn của Nhân dân, mang lại hiệu quả kinh tế; góp phần xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện. Đặc biệt nhất là một số nội dung ⁴.

1.3. Nghị quyết số 03-NQ/HU, ngày 20/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển du lịch huyện Phong Thổ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Sau 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, đến nay ngành du lịch của huyện đã đạt được một số kết quả nổi bật như: Tổng lượt khách du lịch mỗi năm đạt khoảng 50.000 lượt người, doanh thu từ du lịch trung bình mỗi năm đạt 20 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 100 lao động, thu nhập đạt từ 4 đến 6 triệu đồng/người/tháng; xây dựng và phát triển, mở rộng quy mô các điểm du lịch trọng điểm như: Bản Vàng Pheo xã Mường So; bản Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ.

1.4. Nghị quyết số 04-NQ/HU, ngày 22/12/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, đưa huyện Phong Thổ ra khỏi huyện nghèo vào năm 2025

Để phân đầu hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết đưa huyện Phong Thổ ra khỏi huyện nghèo vào năm 2025, UBND huyện đã cụ thể hóa nghị quyết của Huyện ủy thành kế hoạch để triển khai thực hiện, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động mọi nguồn lực của địa phương triển khai lồng ghép với các chương trình đầu tư, 3 chương trình mục tiêu quốc gia, đa dạng hóa sinh kế cho người dân, doanh nghiệp. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện đồng bộ các nội dung; các cơ quan đơn vị cấp huyện phối hợp với UBND,

² 584,27ha cây Mắc ca, 754,2ha chè, 2.551,89ha chuối, 105ha cây Mía, 144,78ha Xoài

³ Gạo Tả Cù, gạo Nếp Tan, Cao ngựa bạch, Chè cổ thụ.....

⁴ Hỗ trợ giống lúa thuần (81,777 tấn cho 4.427 lượt hộ), ngô (100,242 tấn cho 15.332 lượt hộ); hỗ trợ máy làm đất (2.420 máy/2.420 lượt hộ); hỗ trợ cải tạo vườn tạp (278,39ha cho 3.148 lượt hộ), hỗ trợ trồng chè (516,28ha cho 1.008 lượt hộ); hỗ trợ mở mới khai hoang 43,8ha cho 371 hộ), hỗ trợ chuồng trại (934m², cho 410 hộ), trồng cỏ chăn nuôi (23,07ha cho 523 hộ)

đoàn thể cấp xã, thị trấn tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo hằng năm tới đoàn viên, hội viên và Nhân dân đặc biệt là tập trung quan tâm thực hiện các giải pháp hỗ trợ đối với những hộ gia đình trong kế hoạch thoát nghèo hằng năm.

1.5. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục đào tạo

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật đối với học sinh, đội ngũ Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (NG&CBQLGD) đã được huyện quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định, đầy đủ, kịp thời. Các chính sách hỗ trợ cho học sinh, các chính sách về lương, phụ cấp, chính sách ưu đãi, thu hút đặc thù... các chính sách trên cơ bản đã đáp ứng yêu cầu huy động học sinh ra lớp và hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ NG&CBQLGD trong việc nâng cao chất lượng dạy học, yên tâm công tác, cống hiến cho sự phát triển giáo dục và phần nào giảm bớt gánh nặng cho phụ huynh học sinh.

Những chính sách thu hút đặc thù đối với NG&CBQLGD công tác ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn như: Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chính nhờ những chính sách đãi ngộ mà nhiều NG&CBQLGD đã ổn định được đời sống, yên tâm công tác và có thêm điều kiện để học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý và dạy học. Góp phần tích cực trong việc thu hút được những tri thức trẻ lên công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khắc phục tình trạng khan hiếm giáo viên, tạo tiền đề giúp các cơ sở giáo dục phổ thông ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từng bước nâng cao chất lượng giáo dục. Các chế độ cho học sinh đã được các trường chi trả cho học sinh đầy đủ⁵. Chế độ cử tuyển UBND huyện xét duyệt học sinh theo chế độ cử tuyển, các trường Nội trú Trung ương theo từng năm⁶.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các chính sách hỗ trợ theo quy định, đảm bảo chi trả đúng, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định. Tiếp nhận, sử dụng cán bộ, giáo viên nhân viên là người dân tộc theo trình độ đào tạo và nhu cầu, nhiệm vụ của các đơn vị trường trong toàn huyện. Hiện tại trong toàn ngành có 784/1610 giáo viên, nhân viên là người dân tộc, chiếm 48,69%. Nhiều giáo viên là người dân tộc hiện đang đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo từ Phòng GD&ĐT huyện đến các trường trực thuộc, có nhiều đóng góp nổi bật trong công tác giáo dục cũng như công tác dân tộc của huyện.

1.6. Thực hiện chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện

⁵ Chế độ bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP có 32.454 lượt học sinh được hưởng chế độ; Chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Nghị định 81/2021/NĐ-CP có 135.464 lượt học sinh được thụ hưởng, Chế độ cho học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC về quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật: có 1.323 lượt học sinh được hưởng; Chế độ cho học sinh thuộc các dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP là 110 lượt học sinh; Chế độ cho giáo viên và học sinh mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP là 1019 lượt giáo viên, 37.267 lượt giáo viên. Hàng năm đã hỗ trợ gạo cho sinh các trường bán trú trên 800 tấn/năm

⁶ Kết quả: Từ năm 2021 đến nay đã cử 08 học sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện đi học chuyên ngành Sư phạm tại trường Đại học Tây bắc. Bên cạnh đó, nhiều học sinh đã thi đỗ và xét tuyển vào học các trường PTDTNT trong tỉnh, trong huyện, trường phổ thông vùng cao Việt Bắc.

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức hỗ trợ cho 1.126 hộ nghèo, cận nghèo, với tổng kinh phí là 57.295 triệu đồng để làm nhà, trong đó⁷:

2. Kết quả về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

2.1. Về phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Kết quả sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ, nhất là thị trường xuất khẩu; trong đó tập trung đưa một số giống cây trồng mới vào sản xuất (*Xoài GL4, Chanh leo Đài Nông 1, Mía, lúa, ngô, mắc ca...*) và một số biện pháp kỹ thuật mới vào canh tác (*Kỹ thuật gieo cấy lúa theo phương pháp SRI, kỹ thuật tưới nước tiên tiến tiết kiệm (hệ thống tưới nhỏ giọt)*); tiếp tục hướng dẫn Nhân dân các biện pháp kỹ thuật lựa chọn tạo giống lúa địa phương (*nếp Tan, Tẻ râu...*) để đưa vào sản xuất... Tiếp tục thâm canh tăng vụ, nâng cao hệ số sử dụng đất và giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích (*tăng 2,5 triệu đồng/ha/năm so với năm 2019*⁸). Tập trung quy hoạch, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung có giá trị kinh tế cao, hình thành chuỗi liên kết giá trị, gắn với tiêu thụ sản phẩm, chuyển đổi một số diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Tiếp tục đảm bảo duy trì an ninh lương thực, nhất là diện tích lúa gạo với diện tích 4.623,3ha⁹; triển khai trồng mới và chăm sóc 754,2ha cây chè, 584,27ha cây Mắc ca; duy trì 1.360,1ha cây cao su; tập trung phát triển và chăm sóc 3.898ha cây ăn quả (*trong đó: Chuối 2.551,89ha, Chanh leo 77,5ha, Xoài 445,6 ha, Lê 360ha, nhãn 65ha....*), mở rộng phát triển rau, hoa, củ quả (*địa lan 62.497 chậu, dong riềng 377,3ha, 419ha cây Khoai sọ....*); trồng mới 105ha cây Mía theo hướng liên kết. Tập trung duy trì 1.038ha cây thảo quả, 404,24 ha cây sa nhân; đồng thời phát triển 17,939ha cây Sâm Lai Châu; ngoài ra thực hiện bảo tồn vùng khoảng 8.000 cây Chè cổ thụ trên địa bàn huyện... Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho 04 sản phẩm nông nghiệp của địa phương¹⁰. Tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển mạnh các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh

⁷ Đề án 645 do Bộ Công an hỗ trợ là 600 căn, với tổng kinh phí 36.000 triệu đồng. Dự án 5 hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện hỗ trợ làm mới và sửa chữa nhà cho 298 hộ, tổng kinh phí hỗ trợ 11.180 triệu đồng. Dự án 1: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 là 107 hộ, với kinh phí là 4.280 triệu đồng. Chương trình hỗ trợ nhà đại đoàn kết do MTTQ VN huyện hỗ trợ xây mới và sửa chữa từ năm 2019 đến nay được 121 căn nhà với tổng kinh phí 5.295 triệu đồng, cụ thể sửa chữa 01 nhà với kinh phí 80 triệu, xây mới 120 căn nhà với kinh phí 5.215 triệu đồng.

⁸ Năm 2019 đạt 35,5 triệu đồng/ha/năm, năm 2023 đạt 38 triệu đồng/ha/năm.

⁹ Sản lượng 22.123,83 tấn. Trong đó diện tích lúa hàng hóa đặc sản địa phương (*nếp tan, Tẻ râu*) 177ha để hình thành nên các vùng sản xuất chuyên canh lúa thuần chất lượng cao gắn chế biến và tiêu thụ (thực hiện theo phương thức liên kết giữa các hộ gia đình và Doanh nghiệp)...

¹⁰ Có 02 sản phẩm được công nhận nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý: Gạo Tẻ Râu Phong Thổ và Gạo Tả Cù Phong Thổ. Đồng thời 02 sản phẩm đang xây dựng Gạo Nếp tan Khâu Lương Phủng và Chuối Phong Thổ (*hiện đã hoàn thiện thủ tục đang chờ phê duyệt*).

nghiệp, hợp tác xã như: Chuỗi liên kết trồng chế biến lúa Tẻ râu, nếp Tan; chuỗi liên kết trồng và bao tiêu Xoài, Lê, Mít, Chanh leo, Mía, Ong, Dong Riêng, Chè, Khoai sọ.... Tổ chức thu hút, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp khảo sát, đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn¹¹.

- Tích cực chuyển đổi phương thức chăn nuôi; phát triển các mô hình chăn nuôi tập trung với 04 trang trại chăn nuôi¹²; quy hoạch 08 cơ sở chăn nuôi với quy mô lớn để thu hút kêu gọi các doanh nghiệp, HTX tham gia vào đầu tư trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện hỗ trợ phát triển một số vật nuôi bản địa. Bố trí quan tâm lồng ghép các nguồn vốn để hỗ trợ chuồng trại, con giống, đệm lót sinh học, xây hầm biogas Xây dựng Kế hoạch phòng chống dịch bệnh và tổ chức triển khai thực hiện phòng chống dịch bệnh. Chính vì vậy tốc độ tăng trưởng đàn gia súc hàng năm đạt 5%. Tổng số lượng đàn trâu, bò, ngựa là 11.919 con (*trâu 10.260 con, bò 1.372 con, ngựa 287 con*). Ngoài ra tập trung phát triển chăn nuôi 1.340 đàn ong trên địa bàn ... theo phương thức liên kết. Tiếp tục duy trì và phát triển diện tích 43,46ha thủy sản tại địa phương, với sản lượng 118,19 tấn. Chú trọng phát triển mở rộng vùng nuôi cá nước lạnh với các giống cá đặc sản có giá trị cao như: cá tầm, cá hồi... Tiếp tục duy trì và phát triển 32 cơ sở chăn nuôi cá nước lạnh với diện tích 8.600m³, sản lượng nuôi cá nước lạnh 48 tấn.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, chú trọng công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ phát triển rừng, cụ thể¹³: Chính vì vậy thu nhập của người dân từ việc chi trả tiền bảo vệ rừng và trồng rừng đã đóng góp đáng kể vào việc cải thiện nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần đẩy nhanh công cuộc xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

2.1.2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Duy trì hoạt động khai thác các nhà máy thủy điện đã vận hành, thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có tiềm năng, lợi thế. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân vào địa bàn đầu tư xây dựng các công thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2023 đạt 564,9 triệu đồng; tăng 243,8% so với năm 2019¹⁴.

Toàn huyện có 32 dự án nhà máy thủy điện, tổng công suất lắp máy khoảng 384,9MW. Có 22 cơ sở chế biến, sản xuất, kinh doanh, khai thác thuộc lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hoạt động hiệu quả góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

¹¹ Tổ chức, kêu gọi, thu hút đầu tư, đến nay đã có 05 cơ sở triển khai thực hiện đầu tư vào địa bàn, cụ thể: 01 cơ sở chế biến chè (đang khảo sát và hoàn thiện chủ trương đầu tư trên địa bàn xã Sin Suối Hồ); 01 cơ sở chế biến mứt ca (đang xây dựng tại Khu công nghiệp Mường So); 01 cơ sở bảo quản hoa quả tươi (đang tổ chức khảo sát và xây dựng chủ trương đầu tư tại khu vực Công nghiệp Mường So); 01 cơ sở chế biến nông sản – Tiêu thụ chuỗi (đang xin chủ trương đầu tư tại khu vực Mường So); 01 cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi – chế biến tinh dầu quế (đang đầu tư tại khu vực Mường So).

¹² Trong đó: 01 trang trại chăn nuôi lợn; 01 trang trại chăn nuôi bò; 01 trang trại chăn nuôi Ngựa, 01 cơ sở chăn nuôi Dê.

¹³ Tổng diện tích 46.467,34 ha rừng hiện có; trồng mới khoảng 507,05ha rừng, trong đó: Rừng phòng hộ 59,65ha, rừng sản xuất và cây phân tán 447,4 ha (*cây Quế 375,46 ha; cây gỗ lớn 36 ha; cây phân tán 35.940 cây tương đương với 35,94 ha*); tỷ lệ che phủ rừng đạt 44,3%.

¹⁴ Sản phẩm chủ yếu là điện và nước sạch.

2.2. Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã dành sự quan tâm lớn cho đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng. Nhờ đó, hệ thống kết cấu hạ tầng có bước phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước giữ vững chủ quyền khu vực biên giới, góp phần bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các địa phương trong huyện. Một số công trình giao thông, trường học được đầu tư xây dựng góp phần tạo diện mạo mới cho huyện. Về cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện¹⁵:

2.3. Kết quả thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Mục tiêu đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Gắn đào tạo nghề với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng nông thôn mới và cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo và số người học có việc làm mới hoặc áp dụng kỹ thuật, kiến thức được học vào phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế gia đình có năng suất, thu nhập cao hơn góp phần vào công cuộc giảm nghèo chung toàn huyện¹⁶.

¹⁵ Toàn huyện có 1.029,31km; tổng số có 168/170 thôn, bản có đường ô tô đến bản đạt 98,82% tăng 18,2% so với năm 2019, Trong đó: Đường nội thị 10,56 km, mặt đường được giải bê tông nhựa; đường huyện 128,64 km, trong đó kết cấu mặt đường: bê tông xi măng 1 km đạt 0,78%; láng nhựa 51,84 km đạt 40,3%; cấp phối 4 km đạt 3,11%; mặt đường đất 71,8 km đạt 55,81% (đang đầu tư xây dựng, cứng hóa); Đường đến thôn, bản; liên thôn, bản có 349,79 km trong đó kết cấu mặt đường: bê tông xi măng 241,06 km đạt 68,88%; láng nhựa 18,8 km đạt 5,37%; cấp phối 1 km đạt 0,29%; đường đất 89,11 km đạt 25,46%; Đường ngõ, xóm, nội bản 238,67 km trong đó kết cấu mặt đường: bê tông xi măng 167,54 km đạt 70,02%; láng nhựa 1 km đạt 0,42%; mặt đường đất 70,13 km đạt 29,38%; Đường nội đồng 307,82 km trong đó kết cấu mặt đường: bê tông xi măng 99,38 km đạt 32,28%; mặt đường đất 208,44 km đạt 67,72%; Đường tuần tra biên giới 56,65 km trong đó kết cấu mặt đường: bê tông xi măng 12 km đạt 21,18%; mặt đường đất 44,65 km đạt 78,82%; Hệ thống thủy lợi đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa hàng năm, đến nay toàn huyện có 169 công trình thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu cho hơn 2.994ha cây trồng các vụ. Công trình cấp nước sinh hoạt được thực hiện hàng năm, đến nay với 159 công trình cấp nước sinh hoạt được đầu tư đã đảm bảo cho 100% dân cư ở khu vực đô thị được sử dụng nước sạch và 89% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Hệ thống điện lưới Quốc gia đã đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đến hết năm 2023 có 17/17 xã, thị trấn được sử dụng điện lưới Quốc gia; có 170/170 thôn bản có công trình điện lưới Quốc gia phục vụ nhân dân. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới Quốc gia trên địa bàn huyện năm 2023 đạt trên 99,8%. Hiện tại có 05 chợ Hạng III đã được đầu tư xây dựng và đang hoạt động có hiệu quả, có 02 chợ đã chuyển đổi mô hình quản lý sang doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý chợ (Chợ trung tâm thị trấn huyện và trung tâm xã Đào San), 03 chợ đang quản lý theo mô hình BQL chợ (chợ Mường So, Vàng ma Chải, Si Lờ Lầu). Toàn huyện có 03 điểm du lịch, gồm 02 điểm du lịch cộng đồng và 01 điểm du lịch sinh thái. Có 01 khách sạn 2 sao, 28 khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở lưu trú với 69 phòng và 25 nhà hàng, quán ăn. Hiện nay, 100% cơ quan, đơn vị có mạng kết nối Internet cáp quang tốc độ cao. 100% xã, thị trấn có sóng di động 3G và mạng internet cáp quang; số trạm phát sóng FM 17 trạm, 126 trạm BTS và có 17 điểm điểm phục vụ bưu chính viễn thông. Số thuê bao điện thoại ước đạt 518 thuê bao/100 dân; số thuê bao Internet ước đạt 53 thuê bao/100 dân. Toàn huyện có 19 cơ sở y tế gồm: 01 Bệnh viện huyện, 02 Đơn nguyên điều trị nội trú (Đào San; Mường So), 16 Trạm Y tế xã, thị trấn. Các cơ sở y tế đã được đầu tư xây dựng kiên cố, bố trí trụ sở riêng để hoạt động, có phòng làm việc, các phòng phục vụ hoạt động chuyên môn. Đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh. Toàn huyện có 48 trường học với Tổng số phòng học 1.255 phòng (tỷ lệ phòng KC, BKC đạt 92,9%); có 23/48 trường được xây dựng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Tổng số nhà văn hóa xã và nhà văn hóa thôn bản trên địa bàn huyện là 159 nhà, trong đó: 13 nhà văn hóa xã, 146 nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố. Có 01 sân vận động; 13 nhà thi đấu cầu lông và 38 câu lạc bộ thể dục, thể thao. Có 01 di tích cấp quốc gia và 07 di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh.

¹⁶ Năm 2019 tỷ lệ lao động qua đào tạo 43,51%; số lao động được giải quyết việc làm trong năm 779/650 đạt 119,8%; Năm 2020 tổng số lao động được đào tạo đạt 44,65%; số lao động được giải quyết việc làm trong năm

Hàng năm đào tạo nghề cho 1.199 lao động, giải quyết việc làm cho trên 1.500 lao động có thu nhập ổn định (trong đó 344 lao động đi xuất khẩu lao động, thu nhập cao)¹⁷ góp phần không nhỏ vào công tác giảm nghèo chung toàn huyện.

Thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân theo từng năm đảm bảo kế hoạch đề ra. Các cơ quan, đơn vị, ủy ban nhân dân xã, thị trấn chủ động nghiên cứu, tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hiệu quả cho người dân. Tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo. Kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, kinh doanh nhằm tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là lao động thuộc hộ nghèo góp phần thực hiện tốt phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Triển khai chính sách đặc thù, đồng bộ đối với nhóm đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo theo hướng hỗ trợ theo nhóm cộng đồng, có thu hồi, luân chuyển do cộng đồng tự quản lý và tổ chức thực hiện phù hợp với phong tục, tập quán, điều kiện kinh tế xã hội của từng địa phương, dân tộc nhằm phát huy nội lực của mỗi người dân, hộ gia đình đồng thời hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

Tuyên truyền, vận động, huy động mọi nguồn lực tập trung phát triển toàn diện kinh tế-xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo; triển khai kịp thời, có hiệu quả lĩnh vực giảm nghèo nhằm tập trung giải quyết thiếu hụt các chỉ số về nhà ở, y tế, giáo dục, nước sinh hoạt...; cân đối nguồn lực trong đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nhằm phát huy có hiệu quả các chương trình, chính sách đầu tư cho công tác giảm nghèo.

- Qua kết quả rà soát hằng năm; đánh giá tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo được đánh giá, phân tích cụ thể theo 12 chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và nguyên nhân nghèo.

* Chuẩn nghèo theo Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020¹⁸;

Kết quả tỷ lệ giảm nghèo năm 2020 chưa đạt so với kế hoạch tỉnh giao 5,15%; Do năm 2020 ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 và do thiên tai.

* Chuẩn nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025¹⁹.

Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có

1.156/1.100 đạt 100,1%; Năm 2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo 46,83%; lao động được giải quyết việc làm 1.322 người; Năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo 49%; lao động được giải quyết việc làm là 1.286 người; Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo 51,3%; lao động được giải quyết việc làm là 2.032 người.

¹⁷ Năm 2021: 69 lao động; năm 2022 175 lao động; năm 2023 100 lao động.

¹⁸ Năm 2019, Tổng số hộ nghèo 4.281 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 25,64%; còn 3.432 hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo chiếm 20,56%; tỷ lệ giảm nghèo đạt 4,68%; Năm 2020, Tổng số hộ nghèo 3.833 hộ nghèo chiếm 22,43%; 3.616 hộ cận nghèo chiếm 21,16%; Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm 3,21%;

¹⁹ Năm 2021, tổng số hộ nghèo 8.362 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 48,42%; hộ cận nghèo 2.920 hộ, chiếm tỷ lệ 16,91%; Năm 2022, tổng số hộ nghèo 7.642 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 43,81%; hộ cận nghèo 3.007 hộ, chiếm tỷ lệ 17,24%. tỷ lệ giảm nghèo đạt 4,62%/4,5% (vượt 0,12%); Năm 2023, tổng số hộ nghèo 6.687 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 37,93%; hộ cận nghèo 3.077 hộ, chiếm tỷ lệ 17,45%; tỷ lệ giảm nghèo đạt 5,88%/5,3% (vượt 0,58%).

nhà ở hoặc nhà ở bị đột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt; hỗ trợ vay vốn chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và địa bàn sinh sống.

2.4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở và sự đồng thuận của Nhân dân. Tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn vốn để duy trì 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tập trung xây dựng 03 xã xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025²⁰. Bình quân tiêu chí/xã đạt: 10,63 tiêu chí/xã. Tăng cường, đẩy mạnh công tác kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện chương trình tại các xã. Hình thành và phát triển 23 sản phẩm OCOP²¹.

2.5 Kết quả thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi

a) Kết quả đạt được

Chương trình đã góp phần tăng cường nguồn lực đầu tư trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Việc giải ngân nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, như: nhà ở, xây dựng hệ thống kênh mương, công trình nước sinh hoạt tập trung; sửa chữa đường giao thông; nâng cấp nhà văn hóa; sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường có học sinh bán trú, ... đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng, đã góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng, thay đổi bộ mặt nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Một số dự án, tiểu dự án liên quan đến sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện, từng bước tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống. Cụ thể từng dự án:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt²².
- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết²³.
- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị²⁴.
- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc²⁵.

²⁰ Duy trì 04 xã đạt chuẩn: Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông. Dự kiến 03 xã đạt chuẩn vào năm 2025 là 03 xã: Hoàng Thèn, Lân Nhi Thàng, Bản Lang.

²¹ Có 23 sản phẩm OCOP (trong đó 22 sản phẩm Nông nghiệp, 01 sản phẩm về du lịch), cụ thể: Gạo nếp Tan (có 01 sản phẩm), Gạo Tẻ râu (có 02 sản phẩm); Cao ngựa bạch (có 01 sản phẩm); Chè (có 04 sản phẩm); Cá nước lạnh (có 03 sản phẩm). Chuối sậy (có 03 sản phẩm); Mật ong (có 01 sản phẩm), Rượu (01 sản phẩm), Du lịch cộng đồng (01 sản phẩm); thịt sấy, lạp sườn (03 sản phẩm); miến dong (01 sản phẩm), Nho (02 sản phẩm)

²² Từ năm 2022 đến nay hỗ trợ nhà ở cho 107 hộ dân; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (téc nước cho 617 hộ) tại các xã trong huyện; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 150 hộ; và đầu tư, nâng cấp sửa chữa 03 dự án công trình nước sinh hoạt tập trung tại 03 xã.

²³ Thực hiện bố trí sắp xếp ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai bản căn câu xã Sin Suối Hồ cho 100 hộ và sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An xã Bản Lang cho 89 hộ dân.

²⁴ Thực hiện đầu tư đường vùng dự liệu xã Si Lờ Lầu; và hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Hỗ trợ trồng khoai sọ tại 5 xã 268 hộ = 104,68 ha; Hỗ trợ trồng dong riềng tại 7 xã 185 hộ với tổng diện tích hỗ trợ 139,65ha; Hỗ trợ trồng cây mít tại 02 xã 23 hộ với tổng diện tích hỗ trợ 8,7 ha; Hỗ trợ trồng cây lê tại 2 xã 33 hộ với tổng diện tích hỗ trợ 16 ha.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực²⁶.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới tại 17/17 xã thị trấn.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn²⁷.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình²⁸.

b) Tồn tại, hạn chế

- Để triển khai thực hiện chương trình, Chính phủ và các bộ, ngành trung ương đã và đang ban hành rất nhiều văn bản tổ chức triển khai thực hiện, nhưng một số văn bản vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa kịp thời; khi triển khai thực hiện còn rất nhiều vướng mắc, mâu thuẫn ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, UBND các xã chưa được nhịp nhàng; đặc biệt là việc báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ là chưa được thường xuyên, để cơ quan thường trực tổng hợp; Việc nghiên cứu cụ thể từng dự án, tiêu

²⁵ Thực hiện đầu tư và xây dựng được 17 công trình tại các xã trong huyện; bên cạnh đó còn thực hiện tiểu dự án 1: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình đã được đầu tư từ giai đoạn trước tại 04 các xã: Bản Lang, Mỏ Si San, Pa Vây Sừ và Nậm Xe.

²⁶ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú được 05 trường; mở được 11 lớp xóa mù chữ cho người dân vùng đồng vào dân tộc thiểu số; mở được 03 lớp Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2,3,4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN, Hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng tư vấn nghề nghiệp, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án.

²⁷ Năm 2022 đã tổ chức tập huấn tuyên truyền 24 lớp với 1.309 người tham gia nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; năm 2023 đã tổ chức 01 hội nghị cấp huyện, 08 hội nghị cấp xã, 08 hội nghị tại các bản của 08 xã Pa Vây Sừ, Tung Qua Lin, Đào San, Mù Sang, Bản Lang, Lán Nhi Thàng, Nậm Xe và Huổi Luông cho 1.096 lượt người tham dự nhằm tuyên truyền, in 34.000 tờ rơi "Tảo hôn và hậu quả của việc tảo hôn.

²⁸ Năm 2022 đã tổ chức 02 đoàn công tác người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số huyện đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại huyện Than Uyên và huyện Sìn Hồ với 55 người tham gia; mở 01 Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho 47 người là người uy tín, lực lượng cốt cán tham gia; Năm 2023 Thực hiện đưa 04 đoàn người có uy tín đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại huyện Tam Đường, Mường Tè và Nậm Nhùn; mở 4 lớp cho 240 đối tượng, tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trên địa bàn huyện; mở 01 Hội nghị biểu dương, tôn vinh người có uy tín tiêu biểu trong vùng ĐB DTTS giai đoạn 2021-2023 và in tờ rơi "Một số nội dung cơ bản của Luật Trợ giúp pháp lý": 29.200 tờ cấp phát cho Nhân dân; Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023.

dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình của một số địa phương còn hạn chế, chủ quan; cách thức triển khai thực hiện của Chương trình này rất đa dạng, nhiều nội dung, trong đó có những nội dung lần đầu triển khai thực hiện đã dẫn đến tình trạng lúng túng, thụ động trong xử lý.

- Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chương trình MTQG ở cấp xã tuy được quan tâm nhưng chưa sâu sát, dẫn đến một bộ phận người dân chưa nắm được đầy đủ chương trình, chính sách được nhà nước đầu tư, hỗ trợ.

c) Nguyên nhân

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với nội dung, quy mô và đối tượng rất lớn (chương trình gồm 10 dự án, 14 tiểu dự án, 80 nội dung hỗ trợ khác nhau), liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành hướng dẫn triển khai thực hiện. Các văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình nhiều bất cập; chưa được đồng bộ, kịp thời dẫn đến việc triển khai thực hiện một số chính sách còn chậm, vướng mắc.

- Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hàng năm được giao chi tiết theo tiểu dự án, dự án thành phần và lĩnh vực chi. Do đó rất khó khăn trong việc điều chỉnh vốn giữa các tiểu dự án, dự án, lĩnh vực chi (một số nội dung không có nhu cầu hoặc không triển khai thực hiện được thì nguồn lực trung ương lại phân bổ lớn)

- Nhiều địa phương chưa có sự quyết liệt của cả hệ thống chính trị; cơ quan Thường trực chương trình mục tiêu quốc gia vẫn còn có lúc chưa bao quát, tổng hợp hết được những khó khăn vướng mắc của từng nội dung, dự án thành phần để tham mưu, hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời. Trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ còn hạn chế.

2.6. Công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí

Hàng năm luôn quan tâm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; định kỳ hàng năm rà soát và đề nghị bổ sung kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho các đối tượng cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý cán bộ và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng²⁹.

2.7. Văn hóa - xã hội

2.7.1. Giáo dục - Đào tạo

Chỉ đạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên, học sinh người dân tộc thiểu số có điều kiện học tập nâng cao trình độ dân trí; Quy mô trường lớp không ngừng được mở rộng, hoàn thiện. Đến nay tổng số trường trong huyện³⁰.

²⁹ Từ năm 2019 đến nay UBND huyện đã đào tạo, bồi dưỡng đối với 1.539 lượt cán bộ công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách là người DTTS với tổng kinh phí chi trả là: 958.974.000 đồng.

³⁰ Toàn huyện có 48 trường với 837 nhóm, lớp. Cụ thể: Mầm non 17 trường (giảm 01 trường so với năm 2019); Tiểu học 13 trường (giảm 08 trường so với năm 2019), trong đó trường PTDTBT TH 10 trường; THCS và trường liên cấp: 18 trường (giảm 01 trường so với năm 2019), trong đó trường PTDTBT là 13 trường. Số học sinh không ngừng tăng lên hàng năm, Năm học 2023-2024, toàn huyện có 23.621 (tăng 1.276 học sinh) học sinh, học sinh dân tộc: 22.037 cháu. Trong đó cấp THCS: 7.366 - học sinh dân tộc: 6.907; cấp Tiểu học: 9.958 - học sinh dân tộc: 9.260; Bạc MN: 6.297 - học sinh dân tộc: 5.870.

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GD&ĐT đã hướng dẫn các đơn vị trường học tập trung dạy học theo đối tượng vùng miền phù hợp với từng dân tộc, từng địa bàn, đã chỉ đạo các trường chủ động rà soát việc xây dựng môi trường tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số. Trong quá trình xây dựng môi trường tăng cường tiếng Việt, giáo viên đã phân loại khả năng tiếng Việt của học sinh để có phương pháp, nội dung tăng cường tiếng Việt phù hợp với đối tượng; Tăng thời lượng tập nói tiếng Việt, đặc biệt là đối với những trẻ mới ra lớp, khả năng giao tiếp tiếng Việt còn hạn chế, tạo cơ hội giao tiếp cho trẻ mọi lúc, mọi nơi; đã lồng ghép tăng cường tiếng Việt vào các hoạt động giáo dục hàng ngày; Cung cấp đầy đủ tài liệu, học liệu cho giáo viên và trẻ nhằm đảm bảo chất lượng tăng cường tiếng Việt; bố trí đội ngũ CBQL, giáo viên cốt cán tham gia lớp tập huấn về phát triển ngôn ngữ thứ hai cho trẻ do dự án Plan tại tỉnh Lai Châu tổ chức; chỉ đạo các trường triển khai tập huấn cho 100% CBQL và giáo viên ở các trường.

2.7.2. Y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình

Mạng lưới y tế cơ sở toàn huyện có 18 cơ sở y tế gồm: 01 Bệnh viện huyện, 02 phòng khám đa khoa khu vực (Đào San; Mường So), 15 Trạm Y tế xã, thị trấn. Các cơ sở y tế đã được đầu tư xây dựng kiên cố, bố trí trụ sở riêng để hoạt động, có phòng làm việc, các phòng phục vụ hoạt động chuyên môn. Đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh.

Hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được quan tâm và có chuyển biến tích cực. Cơ sở vật chất y tế từng bước được đầu tư xây dựng và nâng cấp, đến nay 14/17 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, cán bộ y tế được bổ sung, tăng cường ở các tuyến, tỷ lệ bác sĩ đạt 6,68 bác sĩ/vạn dân; số giường bệnh/vạn dân đạt 15 giường; Thực hiện tốt các chính sách y tế, như bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. Chủ động triển khai các hoạt động phòng chống dịch bệnh, làm tốt công tác y tế dự phòng nên không có dịch bệnh lớn xảy ra, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng.

Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình can thiệp làm giảm tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, sinh con thứ ba trở lên trên địa bàn huyện³¹.

Công tác y tế dự phòng luôn được chú trọng, nhất là công tác phòng chống dịch, thường xuyên kiểm tra, giám sát không để dịch bệnh lây lan trên địa bàn³².

2.7.3. Văn hóa - thông tin, truyền thanh - truyền hình

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức phù hợp, bám sát nhiệm vụ chính trị của huyện. Hoạt động bảo tồn, giữ gìn văn hoá các dân tộc được chú trọng, khôi phục và bảo tồn 09 lễ hội truyền thống của các dân tộc (lễ hội Gầu tào dân tộc Mông; lễ hội Then Kin Pang, Nàng Han, Kin lẩu khẩu mầu của dân tộc Thái); các hủ tục lạc hậu từng bước giảm dần. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” được triển khai

³¹ Mức giảm tỷ lệ sinh năm 2023 là 12,97‰ giảm 5,32‰ so với năm 2019 (18,29‰) ; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng bà mẹ sinh con trong năm 2023 là 22,47 % tăng 5,71% so với năm 2019 (16,76%).

³² Chương trình mục tiêu y tế quốc gia năm 2024 cũng có một số thành tựu đáng ghi nhận so với năm 2019 như chương trình phòng chống HIV/AIDS, giảm tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm DTTS trong độ tuổi từ 15-24 tuổi là 0,008% so với năm 2019. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi là 7,64% so với năm 2019. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi là 6,61% so với năm 2019. Giảm tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống là 12,8% so với năm 2019.

tích cực, có hiệu quả thiết thực, các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn về văn hóa hoàn thành và vượt Nghị quyết đề ra³³.

Chất lượng, nội dung, thời lượng phát sóng của Đài truyền thanh - truyền hình huyện được nâng lên. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được duy trì và phát triển.

2.8. Chất lượng nguồn nhân lực

- Tổng số cán bộ cấp xã: 348 người trong đó: Cán bộ: 189 người, công chức xã: 159 người. Số cán bộ, công chức xã là người DTTS là 289 người chiếm 83%. Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 7; Đại học: 220 người, Cao Đẳng: 18 người, Trung cấp: 103 người.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 14 người, Trung cấp 264, Sơ cấp 6 người, chưa qua đào tạo 64 người.

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện là³⁴.

2.9. Công tác Thanh tra - Tư pháp

Lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, từng bước nâng cao chất lượng, đã tổ chức³⁵.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về công tác dân tộc và nội dung, chính sách, qua thanh tra, kiểm tra đã chỉ ra những mặt làm được, những hạn chế cần khắc phục, kịp thời chấn chỉnh đối với đơn vị được thanh tra; đã tổ chức thực hiện 21 cuộc thanh kiểm tra đối với 44 cơ quan, đơn vị, ban hành 22 kết luận thanh tra, thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền trên 1.720 triệu đồng.

2.10. Kết quả khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chống di dịch cư tự do trong vùng dân tộc thiểu số

Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng chống dịch bệnh chống di dịch cư tự do trong vùng dân tộc thiểu số đã được huyện triển khai đồng bộ, toàn diện trên tất cả các mặt; Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh; Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp được kiện toàn và đi vào hoạt động; năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai được nâng cao; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng chống dịch bệnh; phát huy tốt vai trò tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và quần chúng

³³ Toàn huyện có 170 đội văn nghệ tại các xã, thôn, bản, tổ dân phố hoạt động hiệu quả; đến năm 2023 có: 88,8% thôn, bản, TDP; 98,5% cơ quan, trường học; 81,8% hộ gia đình được công nhận thôn, bản, cơ quan, trường học, hộ gia đình văn hoá

³⁴ 1.859 người, trong đó cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS số là 852 người chiếm 45,8%. Trong đó có 02 đồng chí giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của huyện và 18 đồng chí, giữ chức vụ Trưởng, phó các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện và tương đương, 01 ủy viên Ủy ban kiểm tra Huyện ủy, 01 Ủy viên TT Ủy ban MTTQ huyện, 34 Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng các đơn vị trường học, cán bộ, công chức, viên chức còn là 735, Hợp đồng theo [Nghị định số 68 \(nay là Nghị định số 111\)](#) là 61 người. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 3, Đại học 519, Cao đẳng 161, Trung cấp 108, chưa qua đào tạo 61. Trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp 34, Trung cấp 181, Sơ cấp 37, chưa qua đào tạo 600.

³⁵ 65 hội nghị, 73 buổi tuyên truyền với 25.955 lượt người tham dự. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư được thực hiện kịp thời, đúng quy định của pháp luật, từ giữa năm 2019 đến hết tháng 5/2024, đã tiếp nhận mới 533 đơn kiến nghị, phản ánh, không có đơn khiếu nại, tố cáo; đã giải quyết xong 529 đơn, còn 04 đơn kiến nghị của nhân dân đang trong thời gian giải quyết.

nhân dân của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; qua đó, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra. Chính vì vậy đã không chế được một số dịch bệnh trên vật nuôi; hỗ trợ khắc phục di chuyển khẩn cấp 201 hộ gia đình ra khỏi vùng nguy cơ thiên tai, tuyên truyền vận động khắc phục thiên tai 3.659 ngôi nhà, ngoài ra chủ động khắc phục cây trồng, cơ sở hạ tầng....;

3. Kết quả xây dựng hệ thống chính trị và quốc phòng - an ninh vùng dân tộc và miền núi

3.1. Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị

Đảng bộ huyện có ³⁶. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên tiếp tục được nâng lên. Thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ, tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ, làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đổi mới phong cách, lề lối làm việc của cấp ủy từ huyện đến cơ sở đảm bảo tính khoa học, dân chủ, gần dân, trọng dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm.

Thực hiện có hiệu quả chương trình trọng điểm, các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Huyện ủy và các cấp ủy cơ sở, cơ quan, đơn vị luôn quan tâm, chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cả về số lượng và chất lượng. Các khâu trong công tác cán bộ được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ.

Huyện ủy quyết liệt thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nghị quyết đại hội XIII của Đảng, công tác cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã ngày càng nâng lên; hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị ở cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng đảng trong tình hình mới.

3.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia

Cấp ủy, chính quyền các cấp luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng địa phương. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác xây dựng, luyện tập, củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; các đơn Biên phòng phối hợp với các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện hàng hóa qua lại biên giới và đảm bảo an ninh

³⁶ 61 chi, đảng bộ cơ sở (20 đảng bộ, 41 chi bộ), 287 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (170 chi bộ thôn, bản, tổ dân phố; 48 chi bộ trường học, 15 chi bộ y tế xã; 17 chi bộ công an xã; 17 chi bộ quân sự xã; 07 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công an huyện; 03 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Quân sự huyện; 10 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trung tâm Y tế huyện); tính đến ngày 30/4/2024, toàn huyện có 3.556 đảng viên (Đảng viên chính thức 3.422 đồng chí, dự bị 134 đồng chí; đảng viên nữ 1.205 đồng chí; đảng viên là người dân tộc thiểu số 2.391 đồng chí).

trật tự trên địa bàn các xã biên giới; chủ động phát hiện ngăn chặn các hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, di cư tự do...

Hoàn thành kế hoạch tuyên quân hằng năm. Chất lượng công tác giáo dục quốc phòng được nâng lên; kịp thời bổ sung các phương án phòng thủ huyện, xã. Xây dựng, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch kịp thời, triển khai thực hiện có chất lượng công tác dân quân, tự vệ, dự bị động viên đảm bảo về số lượng và từng bước nâng cao chất lượng. Tổ chức tốt các cuộc diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn các cấp. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

3.3. Về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Các cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội đảm bảo. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” chuyển biến tích cực. Triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp ngay tại cơ sở, không để thành điểm nóng, không để các thế lực thù địch thực hiện âm mưu "Diễn biến hòa bình", chia rẽ dân tộc. Công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

Chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được nâng lên, đúng quy định pháp luật. Tổ chức bộ máy, chất lượng cán bộ của các cơ quan tư pháp được củng cố kiện toàn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cải cách tư pháp. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý được chú trọng.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác QLNN về tôn giáo, phòng ngừa, ngăn chặn tuyên truyền đạo trái pháp luật, đạo lạ, tà đạo. Do đó tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn huyện cơ bản ổn định, các hoạt động tôn giáo cơ bản chấp hành đúng quy định của pháp luật, tuân thủ sự quản lý của chính quyền các cấp.

3.4. Về công tác đối ngoại

Công tác đối ngoại tiếp tục được triển khai đồng bộ, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó nổi bật là việc phối hợp chặt chẽ với huyện Kinh Bình, tỉnh Vân Nam (*Trung Quốc*) thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát bảo vệ biên giới, công tác Hội đàm thống nhất giải quyết các sự kiện phát sinh trên biên giới thuộc địa phận huyện Phong Thổ quản lý. Tổ chức ký kết nghĩa nhân dân 03 bản biên giới với 03 bản của huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam (*Trung Quốc*)³⁷.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

³⁷ Ký kết nghĩa: giữa bản Gia Khâu xã Sì Lờ Lầu, huyện Phong Thổ với bản Seo Cô San, thị trấn Kim Hà, huyện Kim Bình; giữa bản Ma Li Pho xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ với bản Bạch Thạch Nham, thị trấn Kim Thủy Hà, huyện Kim Bình; bản Vàng Pheo, xã Mường So, huyện Phong Thổ với bản Kim Thủy Hà, thị trấn Kim Thủy Hà, huyện Kim Bình.

HĐND, UBND huyện đã kịp thời ban hành các Nghị Quyết, Quyết định giao chỉ tiêu nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn rà soát lập phương án, xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai, thực hiện các chương trình chính sách đầu tư, hỗ trợ cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn, đảm bảo đúng tiến độ, kịp thời và hiệu quả. Nhân dân các dân tộc đã từng bước áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập cho người dân, qua đó đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, góp phần xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững.

Công tác dân tộc và triển khai thực hiện các chính sách dân tộc luôn được quan tâm giải quyết kịp thời, có hiệu quả, từ đó khôi đại đoàn kết các dân tộc được củng cố, các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở luôn được củng cố và tăng cường. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội phát huy tinh thần trách nhiệm, tổ chức triển khai các cuộc vận động, đẩy mạnh thi đua các phong trào xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tích cực bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khơi dậy lòng tự hào dân tộc, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, nhân dân các dân tộc tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

2. Hạn chế

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, triển khai, thực hiện các chương trình, chính sách từ huyện đến ở cơ sở có thời điểm chưa được thường xuyên, một số vướng mắc phát sinh ở cơ sở chưa được giải quyết kịp thời.

Kinh tế phát triển chưa đồng đều giữa các vùng trong huyện; sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh và một số mô hình còn chậm được nhân rộng; việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi của Nhân dân còn hạn chế; thu nhập của một bộ phận Nhân dân còn thấp; việc triển khai xây dựng Nông thôn mới, thực hiện một số tiêu chí còn gặp nhiều khó khăn, bình quân tiêu chí /xã đạt thấp; kết cấu hạ tầng khu vực nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai ở một số địa bàn còn hạn chế.

Chất lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các vùng; việc duy trì tỷ lệ học sinh chuyên cần cấp THCS ở một số xã có thời điểm chưa cao. Công tác khám chữa bệnh, chất lượng chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân có nội dung, có năm còn chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng tảo hôn, tỷ lệ sinh con thứ 3 vẫn còn cao. Công tác giảm nghèo chưa bền vững, số hộ cận nghèo, tái nghèo còn cao; công tác quản lý thị trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm còn hạn chế; tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa còn thấp.

Tình hình an ninh nông thôn trên một số địa bàn còn tiềm ẩn nhân tố phức tạp: tội phạm về ma túy, trộm cắp tài sản, truyền đạo trái pháp luật vẫn còn xảy ra. Một số ít người dân còn nhẹ dạ, cả tin nghe theo luận điệu của các thế lực thù địch về di cư tự do, chưa chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Nguồn vốn đầu tư phụ thuộc vào trung ương, tỉnh, chưa đáp ứng được so với nhu cầu; địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn; tình hình thời tiết diễn biến bất lợi, do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, thời gian giãn cách xã hội lớn, ảnh hưởng đến việc phục hồi phát triển kinh tế trong thời gian dài; các thế lực thù địch không từ bỏ âm mưu “diễn biến hòa bình”, tuyên truyền đạo trái pháp luật ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.

Các chính sách thường đề ra mục tiêu lớn, nhưng thời gian thực hiện ngắn, song không tập trung còn dàn trải, nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện, do vậy chưa tạo được động lực vững chắc để thoát nghèo bền vững.

Giá cả thị trường thường xuyên biến động, một số chính sách định mức hỗ trợ còn thấp, các văn bản hướng dẫn về cơ chế thực hiện của Trung ương còn chậm; nhiều văn bản hướng dẫn, vì vậy, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện các dự án, chính sách dân tộc.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như việc vận động trong đồng bào chưa được thường xuyên. Sự phối hợp của một số cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong việc tham mưu cho UBND huyện có lúc, có việc chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ; vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở có mặt chất lượng, hiệu quả còn thấp, có nơi thiếu chủ động. Một số cán bộ, công chức, viên chức ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ chưa cao, thiếu chủ động, chưa sâu sát cơ sở.

Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa cụ thể hóa nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh, huyện về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Trình độ dân trí chưa đồng đều, còn chênh lệch giữa các vùng trong huyện; Một bộ phận Nhân dân còn tư tưởng trông chờ vào chính sách của Đảng, Nhà nước, chưa phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

4. Bài học kinh nghiệm

- *Thứ nhất*, các cấp ủy, chính quyền địa phương phải có nhận thức thật sự đúng đắn về công tác dân tộc; trong quá trình thực hiện cần có sự phân công, phân cấp, làm rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, MTTQ và các đoàn thể nhân dân; coi công tác dân tộc là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- *Thứ hai*, phải bám sát sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và hướng dẫn của các bộ ngành Trung ương về công tác dân tộc; cụ thể hóa chỉ thị, nghị quyết, quyết định thành những chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể.

- *Thứ ba*, thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào, nắm chắc diễn biến tâm tư tình cảm của đồng bào, phát huy dân chủ cơ sở; kịp thời giải quyết các vụ việc “nóng”, nhạy cảm phát sinh ngay tại cơ sở, nêu cao ý thức tự lực, tự cường và tạo lập niềm tin cho đồng bào.

- *Thứ tư*, thực hiện giải quyết cơ bản vấn đề đói nghèo, quan tâm công tác quy hoạch, bố trí sắp xếp dân cư, thực hiện phát triển sản xuất bền vững. Lồng ghép nguồn vốn các chính sách đầu tư, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tránh giàn

chải, mạnh mẽ; chú trọng huy động nguồn lực hỗ trợ của toàn xã hội, xã hội hóa để thực hiện chính sách dân tộc.

- *Thứ năm*, coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số như già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải là tấm gương sáng cho đồng bào dân tộc noi theo.

- *Thứ sáu*, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá và giám sát việc thực hiện các chính sách trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số đảm bảo việc đầu tư, hỗ trợ đúng đối tượng, đúng nội dung chính sách, hiệu quả; thực hiện tốt việc sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm để nâng cao công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn.

- *Thứ bảy*, tập trung nguồn lực ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí gắn với đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2024 - 2029

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết các dân tộc; phát huy truyền thống và sức mạnh đoàn kết của đồng bào các dân tộc thiểu số, đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng hoàn chỉnh, chuẩn hóa; tập trung thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của huyện. Phát triển toàn diện văn hóa - xã hội; giảm nghèo nhanh và bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2029

2.1. Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số: Phân đấu đến năm 2029, tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số qua đào tạo, tập huấn đạt trên 65%, trong đó trên 47% được đào tạo nghề; đảm bảo 100% các xã có trường học kiên cố và bán kiên cố, nhà công vụ giáo viên và nhà ở bán trú cho học sinh; 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường; công nhận thêm 10 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia là 38 trường, đạt 79,2%.

2.2. Công tác cán bộ người dân tộc thiểu số: Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 9/11/2023 của UBND tỉnh Lai Châu, đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu hợp lý cán bộ là người dân tộc thiểu số; ở các vị trí lãnh đạo cấp xã, cấp huyện phải có cán bộ là người dân tộc thiểu số. Phân đấu 95% cán bộ, công chức cấp xã, thị trấn có trình độ Đại học trở lên, trong đó 90% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

2.3. Giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số: Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3%/năm trở lên; thu nhập bình quân đầu người đạt 55 triệu đồng/người/năm; giải quyết việc

chuyển đổi sản xuất, ngành nghề phù hợp ở những nơi thiếu đất sản xuất; từng bước tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế đặc thù của địa phương.

2.4. Phát triển cơ sở hạ tầng vùng dân tộc thiểu số: 100% đường giao thông đến bản được cứng hóa; trên 50% đường ra khu sản xuất, đường nội đồng đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới; trên 99% hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; trên 95% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

2.5. Phát triển văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số: Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; trên 95% số hộ gia đình được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật; 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế, có 9 bác sỹ/1 vạn dân, 20 giường bệnh/1 vạn dân, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số.

2.6. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Phân đấu đến hết năm 2029 duy trì và phân đấu có 10 xã trở lên được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định; 6 xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên.

2.7. Hệ thống chính trị ở cơ sở: Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, hàng năm phân đấu có 20% số tổ chức cơ sở Đảng và 20% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có 70% chính quyền cấp xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2.8. Môi trường sống vùng dân tộc thiểu số: Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Phân đấu tỷ lệ che phủ của rừng trên 45%; bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, nhất là khu vực rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là trên 90%; Tỷ lệ xã, phường, thị trấn được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đạt 100%. Hạn chế thiệt hại do các sự cố môi trường, thiên tai; bố trí khu chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhà vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh môi trường nông thôn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số

1.1. Sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản

- Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, đẩy mạnh thâm canh, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, ứng dụng nông nghiệp hữu cơ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung vào các loại cây trồng chủ lực, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp bền vững; nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm. Chủ động phòng, chống thiên tai, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Chuyển đổi cơ cấu giống, hướng người dân lựa chọn các giống có năng suất cao, chất lượng tốt. ..

- Chuyển đổi phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung kết hợp trồng cỏ, dự trữ thức ăn; lồng ghép các nguồn vốn để tập trung phát triển tái đàn gia súc nhất là đàn lợn; phân đấu tốc độ tăng đàn gia súc đạt 5%/năm. Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản; đặc biệt là các cơ sở nuôi cá nước lạnh với các loại cá có giá trị kinh tế cao. Tăng cường thu hút và phối hợp với các HTX, Doanh nghiệp đầu tư vào chế biến các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng gắn với thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong cộng đồng dân cư. Chủ động chuẩn bị vật tư, lựa chọn các loại cây giống có chất lượng tốt để phục vụ trồng mới rừng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển du lịch; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, nâng cao chất lượng môi trường và đời sống văn hóa nông thôn. Tập trung huy động các nguồn lực, lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn; tiếp tục thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch di dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở tại các xã trên địa bàn huyện.

- Triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các chính sách hỗ trợ về đất đai, tín dụng,... phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Thực hiện hiệu quả các chính sách tạo việc làm gắn với phát triển thị trường lao động.

- Đẩy mạnh việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và đời sống, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp; chú trọng công nghệ có quy mô phù hợp với điều kiện phát triển của huyện cho sản xuất, chế biến nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa, sản phẩm.

1.2. Xóa đói giảm nghèo

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện và nhân rộng các phong trào, mô hình giảm nghèo hiệu quả về thực hiện CTMTQG GNBV. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về ý nghĩa, mục đích của từng dự án thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững để tạo sự đồng thuận và hưởng ứng của toàn xã hội. Đổi mới và đa dạng công tác tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, cụ thể, phù hợp với nhu cầu tiếp nhận của từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn; ưu tiên hình thức truyền thông tuyên truyền có sự tham gia của cộng đồng dân cư tại cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông huyện trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững, xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, các tệ nạn xã hội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai ở lại phía sau*", "*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*" và cuộc vận động "*toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*". Triển khai xây dựng và nhân rộng những mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm giảm nghèo bền vững tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, phát triển kinh tế - xã hội toàn diện trên địa bàn huyện.

- Phát huy vai trò Ban Chỉ đạo thực hiện các CTMTQG; Quản lý, tổ chức thực hiện, hỗ trợ, phân cấp quản lý, thực hiện cho cơ sở, tăng cường sự tham gia của người dân tham gia phối hợp thực hiện chương trình; khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án, tiểu dự án.

1.3. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường. Khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp vào những ngành nghề có lợi thế của địa phương, như: Công nghiệp khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản. Kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư và các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án.

1.4. Phát triển thương mại - dịch vụ

Chủ động theo dõi diễn biến cung cầu hàng hóa bảo đảm cân đối hàng hóa thiết yếu, tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm soát giá cả các mặt hàng thiết yếu, đấu tranh chống hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại; mở rộng thị trường xuất khẩu hàng địa phương, chủ động nắm bắt thông tin và phổ biến đến các doanh nghiệp, hợp tác xã về chính sách xuất nhập khẩu, tiêu chuẩn chất lượng, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của thị trường nước ngoài, nhất là thị trường Trung Quốc để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp.

Phát triển du lịch theo hướng bền vững; gắn kết bản sắc văn hóa với phát triển du lịch trên địa bàn huyện. Thực hiện hiệu quả nghị quyết, đề án bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, ưu tiên phát triển hệ thống giao thông, nước sinh hoạt nông thôn, hệ thống trường lớp học, nhà bán trú học sinh và hạ tầng phục vụ sản xuất.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cứng hóa hệ thống đường giao thông theo quy hoạch, quan tâm đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã đến các bản, liên bản, nội bản. Kiên cố hóa công trình thủy lợi phục vụ thâm canh tăng vụ ở những nơi có điều kiện. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả các công trình sau đầu tư, nâng cao trách nhiệm quản lý, sử dụng của cộng đồng thôn bản, người dân, chính quyền cơ sở.

Đầu tư xây dựng các trường, lớp học, ưu tiên đầu tư các trường phấn đấu đạt chuẩn quốc gia, xây dựng nhà ở bán trú cho học sinh tại trung tâm xã. Cứng hóa đường ra khu sản xuất, đường nội đồng, đường liên bản. Nâng cấp, sửa chữa các trụ sở xã; quan tâm đầu tư nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, bản, các thiết chế văn hóa, thông tin cơ sở.

Tập trung nguồn lực xây dựng Thị trấn Phong Thổ đạt tiêu chí đô thị loại IV giai đoạn 2026-2030, xây dựng các trung tâm xã theo quy hoạch nông thôn mới.

3. Phát triển giáo dục - đào tạo

Huy động tối đa số học sinh trong độ tuổi ra lớp và nâng cao tỷ lệ học sinh chuyên cần, đặc biệt là trường vùng khó khăn. Chỉ đạo các trường tích cực tham mưu quyết liệt và có hiệu quả với cấp uỷ, chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động đưa con em đến trường.

Nâng cao chất lượng giáo dục.

- *Đối với giáo dục mầm non:* Quan tâm tới công tác rèn Tiếng Việt cho trẻ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ khi đến trường.

- *Đối với giáo dục phổ thông*: Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bố trí cán bộ giáo viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới, áp dụng có hiệu quả tại địa phương. Chỉ đạo hiệu quả việc tổ chức dạy học theo đối tượng vùng miền, bám sát theo chuẩn kiến thức kỹ năng, phát huy hiệu quả việc dạy học 02 buổi/ ngày, dạy học tăng buổi/ tuần.

Tổ chức tốt công tác bán trú trong trường học, hướng dẫn học sinh trong các hoạt động ngoại khóa, tăng gia sản xuất để cải thiện đồng thời rèn kỹ năng sống, lao động, vệ sinh. Tổ chức tốt các hoạt động cho học sinh ở bán trú, trường liên cấp bán trú, đảm bảo chế độ chính sách cho học sinh. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao, các trò chơi dân gian phù hợp với đối tượng học sinh. Rèn ý thức tự giác trong học tập, sinh hoạt tại trường cho học sinh để góp phần từng bước nâng cao chất lượng dạy và học.

Nâng cao chất lượng đội ngũ toàn ngành có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt và lương tâm nghề nghiệp. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của CBQL, giáo viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc bồi dưỡng, tự bồi dưỡng của đội ngũ để nâng cao chất lượng giảng dạy trong các nhà trường.

Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục xóa mù chữ; phổ cập GD mầm non; PCGD tiểu học; PCGD THCS. Chỉ đạo các trường tham mưu chính quyền địa phương phát huy tính tích cực của các TTHTCD.

Tham mưu các cấp, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường bán trú, trường chuẩn Quốc gia; sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất. Chỉ đạo các trường quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị có hiệu quả. Duy trì, giữ vững các trường đạt chuẩn Quốc gia hiện có, nâng chuẩn các trường theo Đề án xây dựng trường chuẩn Quốc gia đã được UBND huyện phê duyệt.

Hướng dẫn các trường thực hiện nghiên cứu khoa học. Quan tâm bồi dưỡng Nhà giáo ưu tú. Phấn đấu 100% CBGV- CNV hưởng ứng và đăng ký thực hiện các phong trào thi đua.

4. Phát triển Văn hóa - thể thao, truyền thanh - truyền hình

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp các dân tộc. Phát động sâu rộng, hiệu quả phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*". Nâng cao chất lượng các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng mức hưởng thụ văn hóa, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng chương trình phát thanh, truyền hình địa phương bảo đảm chất lượng, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước, phản ánh kịp thời tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương. Duy trì hoạt động thường xuyên các trạm truyền thanh không dây, các trạm phát thanh, truyền hình.

5. Phát triển toàn diện lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe người nhân dân, đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản; Cung cấp đầy đủ, kịp thời và đảm bảo chất lượng về thuốc, vật tư, trang thiết bị cho các cơ sở y tế. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế về chuyên môn, y đức; phát triển y tế dự phòng; thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, các chính sách hỗ trợ y tế cho các dân tộc thiểu số.

Tiếp tục phát huy hiệu quả chế độ luân phiên, định kỳ tăng cường bác sĩ từ tuyến huyện cho tuyến xã. Bảo đảm cho mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế hiện đại, thực hiện công bằng trong chăm sóc y tế.

Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh mới phát sinh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khám chữa bệnh tư nhân, kinh doanh mỹ phẩm, dược phẩm, thực phẩm trên địa bàn; tăng cường các giải pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thực hiện tốt chương trình DS-KHHGD nhằm đảm bảo quy mô và cơ cấu dân số phù hợp với sự phát triển KT-XH của huyện. Duy trì mức sinh hợp lý, giảm tình trạng tảo hôn và nâng cao chất lượng dân số.

6. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII; đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ, tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ, làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường thuận lợi để cán bộ, đảng viên, công chức phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo.

Tập trung thực hiện tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở theo Kết luận số 30-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Thường xuyên kiện toàn, củng cố tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, đảng bộ, chi bộ theo Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư khóa X về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cấp ủy viên, bí thư các chi, đảng bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm theo quy định.

Tiếp tục quan tâm phát triển và nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên, nhất là ở thôn, bản và trong các doanh nghiệp; phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của chi bộ ở thôn, bản, tổ dân phố. Thường xuyên rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên, kiên quyết, kịp thời đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng, bổ sung quy chế làm việc và đảm bảo hoạt động của cấp ủy theo quy chế. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đổi mới phong cách, lề lối làm việc của cấp ủy từ huyện đến cơ

sở đảm bảo tính khoa học, dân chủ, gần dân, trọng dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm. Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong việc chấp hành quy chế làm việc, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. coi trọng công tác sơ, tổng kết việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phát hiện và nhân rộng những cách làm hay, các nhân tố mới, mô hình mới, những điển hình tiên tiến.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Đề án số 01-ĐA/HU, ngày 15/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX “về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ”; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

7. Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại

- *Về công tác quốc phòng:* Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ tuyên quân các năm.

- *Về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:* Chủ động nắm chắc tình hình cơ sở, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Nâng cao tỷ lệ điều tra, phá án; kiểm chế các loại tội phạm, giảm thiểu tai nạn giao thông; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm an toàn giao thông. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- *Về công tác đối ngoại:* Duy trì, phát triển mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa huyện Phong Thổ với huyện Kim Bình - tỉnh Vân Nam - Trung Quốc tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm, quản lý đường biên mốc giới, giữ vững chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, kịp thời xử lý, giải quyết các sự kiện phát sinh trên biên giới, thực hiện tốt các văn kiện pháp lý về biên giới.

8. Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở tất cả các xã: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với điều kiện của mỗi xã; phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân. Bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Xây dựng đời sống văn hóa nông thôn, Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tiếp tục quán triệt sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác dân tộc và chính sách dân tộc, đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi, đồng thời chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc bằng các chương trình, kế hoạch, nghị quyết và chính sách cụ thể, thiết thực.

2. Hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số, tập trung đa dạng hóa loại hình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ cơ sở, tăng cường kỹ năng phát triển cộng đồng, có chiến lược phát triển lâu dài cho công tác cán bộ là người dân tộc thiểu số.

3. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm trọng điểm, sâu sát cơ sở, đánh giá đúng tình hình, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhu cầu chính đáng của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp. Phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết các vấn đề về xã hội, phối hợp các nguồn lực để tập trung xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội.

4. Huy động nguồn lực, có giải pháp hợp lý về vốn để tập trung đầu tư cùng cố, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, cải thiện hệ thống phúc lợi xã hội công cộng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn của huyện. Đảm bảo nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường cho vùng đồng bào DTTS.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ cho người nghèo, tăng cường tuyên truyền giáo dục và làm tốt công tác bình xét hộ nghèo hằng năm để khắc phục tình trạng một bộ phận người dân thiểu số chỉ 1 phần đầu làm giàu, muốn vào danh sách hộ nghèo để hưởng chính sách của Nhà nước. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và quản lý.

6. Xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, cùng cố an ninh nông thôn vùng DTTS, phát huy vai trò của đội ngũ người có uy tín, già làng, trưởng bản trong việc kiểm tra, giám sát, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn- xã hội trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số.

Trên đây là Báo cáo Chính trị Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Phong Thổ lần thứ IV năm 2024./.

Nơi nhận:

- BCD Đại hội DTTS tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, ban ngành huyện;
- Lưu: VT, PDT.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Mai Thị Hồng Sim**

